

CÔNG TY TNHH GO TO QUANG MINH
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GO TO QUANG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GO TO QUANG MINH COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110413151

3. Ngày thành lập: 11/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 3 tòa nhà Indochina Plaza Hanoi, 241 Xuân Thủy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0248568358

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hoá (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
10.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
12.	Dịch vụ đóng gói	8292
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các hàng hóa Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá	8299

14.	Giáo dục nhà trẻ	8511
15.	Giáo dục mẫu giáo	8512
16.	Giáo dục tiểu học	8521
17.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
18.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
19.	Đào tạo sơ cấp	8531
20.	Đào tạo trung cấp	8532
21.	Đào tạo cao đẳng	8533
22.	Đào tạo đại học	8541
23.	Đào tạo thạc sỹ	8542
24.	Đào tạo tiến sỹ	8543
25.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
26.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
27.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
28.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
29.	Lập trình máy vi tính	6201
30.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
31.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
33.	Cổng thông tin (Không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
34.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản	6820
35.	Quảng cáo	7310
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: - Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giấy, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;	7410
38.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
40.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

44.	Sản xuất sợi	1311
45.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
46.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
47.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
48.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
49.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
50.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
51.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
52.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
53.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
54.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
55.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
56.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
57.	Sản xuất giày, dép	1520
58.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
59.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
60.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
61.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hàng hóa nhà nước cấm)	4774
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
63.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
64.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đầu giá viên)	4789
65.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đầu giá)	4791
66.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động đầu giá)	4799
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
68.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
69.	Bốc xếp hàng hóa	5224
70.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển; - Logistics;	5229
71.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
72.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
73.	Dịch vụ ăn uống khác	5629

74.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
75.	Đại lý du lịch	7911
76.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
77.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
78.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
79.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
80.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
81.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
82.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771(Chính)
83.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	DƯƠNG ĐỨC PHƯƠNG	Việt Nam	Số 15 ngõ 36 đường Cầu Diễn, Tổ dân phố số 7, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.400.000.000	80,000	026083000100	
2	PHẠM THỊ PHƯƠNG	Việt Nam	Thôn Cây Đa, Xã Thượng Âm, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	600.000.000	20,000	008195001599	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ PHUỘNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/06/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 008195001599

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Cây Đa, Xã Thượng Ấm, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Cây Đa, Xã Thượng Ấm, Huyện Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội